

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **217/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 28 - 9- 2022

V/v Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Thắng

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Phạm Thị Cung

2. Bà Hoàng Thị Ngọc

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 161/2022/TLST - HNGĐ ngày 12/7/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Lê Anh D, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 247/31 HGG, khu phố 3, Phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Chị Lê Thị P, sinh năm: 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Quan Yên, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Lê Anh D trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị P xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2020 tại UBND xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống về công việc cũng như tiền bạc, nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Trong quá trình xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình phân tích khuyên giải, nhưng tình cảm vợ chồng cũng không thể hòa hợp được. Vợ

chồng đã sống ly thân từ ngày tháng 02/2021 đến nay. Từ khi sống ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là cháu Lê Bảo Ch, sinh ngày 22/01/2021. Hiện nay cháu Ch đang ở với chị P. Vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao cháu Lê Bảo Ch cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 1.500.000đồng.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 26/7/2022 và tại phiên tòa chị Lê Thị P trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2020 tại UBND xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm. Đến tháng 7/2021 bố chị bị bệnh nặng, trong khi con còn nhỏ chị có hỏi ý kiến anh D và được anh D đồng ý để hai mẹ con chị về Bắc ở với ông bà ngoại. Trong thời gian về Bắc thì trong Miền nam bùng dịch nặng nên chị phải ở nhà ngoại. Cũng thời gian đó anh D trở nên lạnh nhạt với mẹ con chị, ít gọi điện về gặp vợ con. Chị có gọi điện nhưng anh D không bắt máy. Đến ngày 26/01/2022 chị và con về nhà nội ăn tết, lúc đó tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Sau khi ăn tết xong anh D đưa vợ con về ngoại ở. Từ đó vợ chồng không liên lạc gì, mặc dù chị có gọi điện nhưng anh D không nghe máy. Vợ chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ đó đến nay. Hiện nay chị không mang thai nghén gì. Nay anh D làm đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm giữa chị và D không còn, nên chị đồng ý ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Bảo Ch, sinh ngày 22/01/2021. Hiện nay con đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con. Chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.00đồng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Anh D vắng mặt và đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt. Ý kiến chị P: Về hôn nhân chị đồng ý ly hôn. Phần con chung chị xin nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng 2.000.000đ/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản và công nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

(sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật TTDS. Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết: Về hôn nhân xử cho anh Lê Anh D được ly hôn chị Lê Thị P. Về con chung giao cháu Lê Bảo Ch cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi chung 2.000.000đồng/tháng. Vì quyền lợi của con hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

*Về án phí*: Anh Lê Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. *Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án*: Căn cứ theo chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh D và chị P là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

1.2. *Về sự vắng mặt của nguyên đơn*:

Anh D có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

2.1. *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị P là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Hai người không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Anh D và chị P sống ly thân từ tháng 1/2022 đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị P mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay anh D xin ly hôn, về phía chị P cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D là phù hợp.

2.2. *Về con chung*: Anh D và chị P có 01 con chung là Lê Bảo Ch, sinh ngày 22/01/2021. Hiện nay con đang ở với chị P. Khi ly hôn anh D đồng ý để chị P nuôi

dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 1.500.000đồng. Chị P có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

HĐXX xét thấy: Về người trực tiếp nuôi con anh D và chị P cùng quan điểm giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy HĐXX chấp nhận ý kiến của hai bên giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị P yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Anh D xin được cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đồng HĐXX xét thấy: Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Với tình hình xã hội hiện nay, quan điểm dành cho con trẻ những gì tốt nhất khi có thể là ưu tiên số 1. Con trẻ không chỉ ăn no, mà còn ăn phải đủ chất, đảm bảo dinh dưỡng. Không phải chỉ mặc ấm, mà còn phải mặc đẹp. Không chỉ học ở trường mà còn học thêm để phát triển đầy đủ và toàn diện. Tạo mọi điều kiện để trẻ nhỏ phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tâm sinh lý trẻ thơ. Căn cứ mức thu nhập của anh D cấp bậc đại úy và nhu cầu của con trẻ trong cuộc sống hiện tại, cần buộc anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mức như chị P đề nghị 2.000.000đ/1 tháng là phù hợp. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.3. *Về tài sản và công nợ chung*: Anh D và chị P trình bày vợ chồng không có tài sản chung và công chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

{3} *Về án phí*: Anh D khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn, phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Anh D.

- *Về Hôn nhân*: Chấp nhận Anh Lê Anh D được ly hôn chị Lê Thị P.

- *Về con chung*: Anh D và chị P có 01 con chung. Giao cháu Lê Bảo Ch, sinh ngày 22/01/2021 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ 10/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Các đương sự không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh D đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003536 ngày 12/7/2022. Chấp nhận anh D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn. Anh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

- *Quyền kháng cáo*: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị P trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với anh D vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND Đ, Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Thắng**